TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 5 - 2023.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bảy.

Ông Nguyễn Văn Vũ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

Địa chỉ nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn đề ngày 16 tháng 6 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, h, tỉnh Bến Tre vào ngày 10 tháng 12 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh C không chăm lo cho gia đình, cờ bạc, nhậu và đánh chị, đến năm 2021 thì sống ly thân. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh C.

Con chung có 03 cháu tên Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2010, Nguyễn Ngọc Kiều N, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2016, Nguyễn Ngọc Kiều A, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2019 hiện nay đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có. Chị D có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kiều D.

Tại phiên tòa ông Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh C; về con chung chị D trực tiếp nuôi 03 cháu tên Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2010, Nguyễn Ngọc Kiều N, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2016, Nguyễn Ngọc Kiều A, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2019, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; bị đơn anh Nguyễn Văn C có nơi cư trú tại ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc. Nguyên đơn chị D có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt chị D, anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh C, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 10 tháng 12 năm 2009, việc kết hôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án chị D cho rằng sau khi kết hôn thì chị và anh C sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh C không chăm lo cho gia đình, cờ bạc, nhậu và đánh chị, đến năm 2021 thì ly thân nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C; đối với anh C trong suốt quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị D, điều đó chứng tỏ anh C có ý thức bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm với chị D. Do đó có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh C.

[3] Về con chung: Chị D và anh C có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2010, Nguyễn Ngọc Kiều N, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2016, Nguyễn Ngọc Kiều A, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2019 hiện nay đang sống chung với chị D, khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh C không có yêu cầu gì con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại 03 cháu đều sống chung với chị D và tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên thì cháu T có nguyện vọng sống chung với chị D, do đó để bảo đảm ổn định cho cuộc sống và học tập của các cháu thiết nghĩ nên để cho chị D tiếp tục nuôi con là phù hợp. Do chị D không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh C.

[4] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị D trình bày chị và anh C không có tài sản chung và nợ chung; đối với anh C không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định anh chị có tài sản chung và nợ chung hay không nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ nộp án phí: Chị D phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của ông Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều D.

Chị Nguyễn Thị Kiều D được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều D trực tiếp nuôi 03 cháu tên Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2010, Nguyễn Ngọc Kiều N, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2016, Nguyễn Ngọc Kiều A, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2019 hiện nay đang sống chung với chị D; anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ là người không trực tiếp nuôi con có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn: Không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Án phí ly hôn chị Nguyễn Thị Kiều D phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000

đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã N, huyện M,
tỉnh Bến Tre (ĐKKH số xx, ngày 10/12/2009) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện